

Bản án số 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27.8.2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIÊU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

2. Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thanh L - sinh năm 19; nơi cư trú: I T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn L1 - sinh năm 19; nơi ĐKNKTT: K246 Nguyễn Văn C, tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở xã hội B1, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại Bản tự khai ngày 29 tháng 7 năm 2024 và tại phiên toà, nguyên đơn - bà Đỗ Thị Thanh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn L1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng vào năm 2018. Sau khi kết hôn, bà và ông L1 chung sống ở nhà của cha mẹ ông L1 tại K246 N, tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, trầm trọng nhất từ năm 2020. Nguyên nhân là do ông L1 nhiều lần sử dụng ma túy đá, bị đưa vào tập trung cai nghiện nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục sử dụng. Từ tháng 7 năm 2023, ông L1 bị tập trung cai nghiện lần 4 nên bà đã đưa con về Huế sinh sống. Nay, bà xác định tình cảm với ông L1 không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông L1.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà xác định bà và ông L1 có 01 (Một) con chung là Nguyễn Ngọc Thảo N - sinh ngày 01 tháng 7 năm 2016. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ chia tài sản: Bà xác định bà và ông L1 không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ bà và ông L1.

* Tại Bản tự khai và Đơn trình bày ngày 23 tháng 7 năm 2024, bị đơn - ông Nguyễn L1 trình bày: Ông và bà Đỗ Thị Thanh L sau khi kết hôn thì sống chung với nhau một thời gian, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Nay, ông đồng ý ly hôn với bà L, đồng ý giao con chung Thảo Ngân cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có. Ông đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải và đề nghị xét xử vắng mặt ông.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ cũng như việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Đỗ Thị Thanh L được ly hôn với ông Nguyễn L1; giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông L1 không cấp dưỡng nuôi con; bà L và ông L1 không có tài sản chung, nợ chung nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn L1 vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn trình bày đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L1.

[2] Về nội dung: Bà Đỗ Thị Thanh L và ông Nguyễn L1 đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà L và ông L1 là hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông L1, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ trình bày của bà L và ông L1, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong thời kỳ hôn nhân, giữa bà L và ông L1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà L trình bày là do ông L1 nhiều lần sử dụng ma túy, bị tập trung cai nghiện nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Ông L1 không trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn nhưng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà L và ông L1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà L đối với ông L1, xử cho bà L được ly hôn với ông L1.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Bà L và ông L1 có 01 (Một) con chung là Nguyễn Ngọc Thảo N - sinh ngày 01 tháng 7 năm 2016. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Xét con chung Nguyễn Ngọc Thảo N có nguyện vọng sống với mẹ, ông L1 hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và đồng ý giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, xử giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Bà L không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về quan hệ chia tài sản: Bà L và ông L1 không có tài sản chung, và nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Đỗ Thị Thanh L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Thanh L đối với ông Nguyễn L1 về việc “Ly hôn, trah chấp nuôi con”.

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà L được ly hôn với ông L1.

* Về quan hệ nuôi con chung:

Xử: Giao con chung Nguyễn Ngọc Thảo N - sinh ngày 01 tháng 7 năm 2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông L1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về quan hệ chia tài sản: Không có tài sản chung và nợ chung.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Đỗ Thị Thanh L phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0000802 ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Hoà Hiệp Bắc;
- Chi cục THADS. quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

